

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Nhà trẻ (18 – 36 tháng)
Số trẻ: 35

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở gà, củ cải, hoa hời, xà lách búp, húng quế, ngò gai
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt heo, nấm mèo nhồi đậu hũ sốt cà chua
- Canh su su, củ dền nấu thịt bò, hành ngò
Xế: Sữa chua
Xế chiều: Súp tôm tươi, bí đỏ, bông cải trắng, nấm đùi gà, trứng gà, bột năng

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	300	3,140	9,420
2	0494	Đường cát	300	3,880	11,640
3	0523	Nước mắm loại I	200	4,400	8,800
4	N0966	Muối Iot	200	740	1,480
5	0004	Gạo tẻ máy	2,000	2,560	51,200
6	0120	Hành lá (hành hoa)	100	5,250	5,250
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	50	8,720	4,360
8	0739	Quế	10	61,600	6,160
9	0172	Rau xà lách	100	5,990	5,990
10	0645	Bánh phở khô	500	8,800	44,000
11	0103	Củ cải trắng	200	3,050	6,100
12	0158	Rau húng	50	11,030	5,515
13	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	50	6,510	3,255
14	N0772	Thịt ức gà	600	12,920	77,520
15	N0809	Đậu hũ chiên	750	6,600	49,500
16	0207	Nấm mèo (Mộc nhĩ)	30	21,450	6,435
17	0087	Cà chua	400	7,350	29,400
18	0300	Thịt ba chỉ (nửa nạc, nửa mỡ)	300	21,950	65,850
19	N0770	Thịt nạc dăm	500	18,800	94,000
20	0180	Su su	400	3,260	13,040
21	0286	Thịt bò loại II	500	37,280	186,400
22	0649	Bột năng	400	4,812.5	19,250
23	0085	Bí đỏ (bí ngô)	200	3,990	7,980
24	0181	Bông cải trắng (súp lơ)	200	8,090	16,180
25	0635	Nấm đùi gà	100	10,920	10,920

26	0451	Trứng gà công nghiệp	180	7,333.3	13,200
27	0424	Tôm sú	600	36,540	219,240
28	0455	Sữa chua	1,750	9,440	165,200
29	0457	Sữa bột toàn phần	666.91	20,500	136,717
30	N0795	Củ dền	400	5,250	21,000
Tổng cộng					1,295,002

Tổng tiền thực phẩm	1,295,002
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	1,295,001
Số dư đầu ngày	1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	5,291,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	5,291,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan